

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Hồng Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 17/10/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Tiên Điền - Nghi Xuân - Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 10A1, Ngõ 6, đường Ngô Quyền, Hà Đông, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lê Hồng Anh, Khoa Công nghệ thông tin,

Trường Đại học Mở - Địa chất, 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0985016888;

E-mail: lehonganh@humg.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 02,2005 đến tháng, năm 07,2021: Giảng viên tại Trường Đại học Mở - Địa chất

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Mở - Địa chất

Địa chỉ cơ quan: 18 Phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường

Đại học Mở - Địa chất

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 25 tháng 06 năm 2003, số văn bằng: 456513, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Mạng máy tính; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 23 tháng 11 năm 2009, số văn bằng: , ngành: Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Saarland University, Germany
- Được cấp bằng TS [5] ngày 27 tháng 01 năm 2016, số văn bằng: QT 001258, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc Gia Hà Nội

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Mở - Địa chất

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. **Mô hình hoá, kiểm chứng và kiểm thử các hệ thống phần mềm: nghiên cứu đề xuất các phương pháp mô hình hóa và kiểm chứng các tính chất quan trọng khác nhau của hệ thống ở các cấp độ: mã nguồn và thiết kế. Xây dựng các công cụ mô hình hóa, kiểm thử tự động.**
2. **Nghiên cứu ứng dụng dữ liệu lớn, học máy và phát triển các hệ thống phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực khoa học Trái đất và Mỏ**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 26 bài báo khoa học, trong đó 7 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen Thủ tướng	Thủ tướng	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ khi đảm nhận vị trí giảng viên tại Trường Đại học Mở - Địa chất đến nay, tôi tự đánh giá đạt các tiêu chuẩn đối với vị trí giảng viên. Tôi luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công việc khác của giảng viên. Tôi tích cực tham gia công tác mở ngành, xây dựng chương trình đào tạo, kiểm định và đánh giá chương trình đào tạo.

Trong công tác chuyên môn, tôi luôn tích cực học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức mới để phục vụ công tác giảng dạy đại học và sau đại học tại Trường Đại học Mở - Địa chất.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 12 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016				3	225		225/285/243
2	2016-2017				1	225		225/281/162
3	2017-2018				1	225		225/272/81
03 năm học cuối								
4	2018-2019				4	225	90	315/451/81
5	2019-2020			1	5	270	135	405/563/167

6	2020-2021			3	2	270	180	450/628/167
---	-----------	--	--	---	---	-----	-----	-------------

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hoà liên bang Đức năm 2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			

1	Lập trình hướng đối tượng với Java	TK	Nhà XB Khoa học và Kỹ thuật, năm 2021	6	CB	(Trang: 151-193; 199-228)	355/QĐ-MĐC, ngày 19 tháng 7 năm 2021
2	Dữ liệu lớn và ứng dụng	TK	Nhà XB Khoa học và Kỹ thuật, năm 2021	1	MM		354/QĐ-MĐC, ngày 19 tháng 7 năm 2021

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 2 ([1] [2])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	Nghiên cứu mã nguồn mở các dịch vụ Web ngữ nghĩa WSMX	CN	T73/10, cấp Cơ sở	01/01/2010 đến 30/12/2010	06/12/2010/Khá	

1	Modeling and Verifying WS-CDL Using Event- B	2	Có	International Conference on Context-Aware Systems and Applications/ Springer LNICST, ISBN: 978-3-642- 36642-0		10	109, 290-299	11/2012
2	Modeling and Verifying DML Triggers Using Event- B	2	Có	Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems 2013, Lecture Notes of Computer Science, Springer/ Lecture Notes in Computer Science, ISBN: 978-3-642- 36543-0			7803, 539- 548	03/2013
3	Formal Modeling and Verification of Context- Aware Systems Using Event- B	2	Có	International Conference on Context-Aware Systems and Applications 2013, Springer LNICST/ ISBN: 978-3-319- 05938-9			128 290- 299	12/2013

4	Modeling and Verifying Imprecise Requirements of Systems Using Event-B	3	Có	International Conference on Knowledge and Systems Engineering 2013, Advances in Intelligent Systems and Computing, Springer/ ISBN: 978-3-319-02740-1		1	7803, 539-548	10/2013
5	A Context-Aware Traffic Engineering Model for Software-Defined Networks	2	Không	International Conference on Nature of Computation and Communication			144 73-82	01/2015
6	Finding Similar Artists from the Web of Data: A PageRank based Semantic Similarity Metric	3	Không	International Conference on Future Data and Security Engineering		1	9446 98-108	11/2015

7	A Model-Based Method for Modeling and Verifying Event-Based Aspect-Oriented Applications	3	Có	International Conference on Knowledge, Information, and Creativity Support Systems			685 281-289	11/2021
8	Verifying Eventuality Properties of Imprecise System Requirements using Event-B	3	Có	The 30th Annual ACM Symposium on Applied Computing		3		04/2015
9	Formal Modeling and Verification of Context-Aware Systems Using Event-B	2	Có	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications			2, e4	12/2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
10	Formal analysis of imprecise system requirements with Event-B	3	Có	SpringerPlus	x - SCIE		5 1000	06/2016

11	Development of a mobile data collection and management system	5	Không	Geoinformatics for Natural Resources, Hazards and Sustainability (GIS IDEAS 2016)				10/2016
12	A New Method to Analyze Graphical User Interfaces of Android Applications	2	Có	International Conference on Context-Aware Systems and Applications 2016			192 110-120	04/2017
13	An approach to analyzing execution preservation in Java program refactoring	3	Không	International Conference on Context-Aware Systems and Applications 2016			193 101-100	04/2017
14	A Formal Approach to Checking Consistency in Software Refactoring	3	Có	Mobile Networks and Applications	x - SCIE IF: 3.4		22 356-366	01/2017
15	Generation of Power State Machine for Android Devices	3	Không	International Conference on Nature of Computation and Communication 2017			217, 7803, 48-59	03/2018

16	A Model-Based Method for Modeling and Verifying Event-Based Aspect-Oriented Applications	3	Có	PostProceeding-International Conference on Knowledge, Information, and Creativity Support Systems			685 281-289	01/2018
17	An Approach to Modeling and Estimating Power Consumption of Mobile Applications	3	Có	Mobile Networks and Applications	x - SCIE IF: 3.4	3	24, 1, 124- 133	01/2019
18	jFAT: An Automation Framework For Web Application Testing	3	Không	International Conference on Context-Aware Systems and Applications 2018			266 48- 57	12/2018
19	VGIS: an open source GIS server for real-time monitoring systems	3	Không	TOPICAL ISSUES OF RATIONAL USE OF NATURAL RESOURCES 2020				10/2020

20	Design and Implementation of a real-time web service for monitoring soil moisture and landslide in Lai Chau province Viet Nam	3	Có	International Conference on Context-Aware Systems and Applications 2020			343 131-140	11/2020
21	Trigger2B: A Tool Generating Event-B Models from Database Triggers	1	Có	International Conference on Context-Aware Systems and Applications 2020			343 103-112	12/2020
22	A big data framework for satellite images processing using Apache Hadoop and RasterFrames: a case study of surface water extraction in Phu Tho, Viet Nam	2	Có	International Journal of Advanced Computer Science and Applications	x - ESCI		11 89	12/2020

23	Evaluating and Predicting the Stability of Roadways in Tunnelling and Underground Space Using Artificial Neural Network-Based Particle Swarm Optimization	7	Không	Tunnelling and Underground Space Technology	x - SCIE IF: 5.9	22	103	07/2020
24	Formal Analysis Of Database Trigger Systems Using Event-B	3	Có	International Journal of Software Innovation	x - ESCI		9, 44, 1-16	01/2021
25	Analyzing energy leaks of Android applications using Event-B	1	Có	Mobile Networks and Applications	x - SCIE IF: 3.4	1	26 1929-1338	05/2021
26	A method for integrating GIS and big data platforms	1	Có	EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications			23 e5	07/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6 ([10] [14] [17] [22] [24] [25])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UỶ (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

1	Chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin bậc đại học	Chủ trì	198/QĐ-MĐC, ngày 18 tháng 3 năm 2020	Trường Đại học Mở - Địa chất	16/NQ-HĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021; Đề án tuyển sinh 2021 của Trường ĐH Mở - Địa chất	CTĐT CLC theo thông tư 23 đầu tiên của Trường ĐH Mở - Địa chất
2	Chương trình đào tạo ngành Khoa học dữ liệu bậc đại học	Chủ trì	49a/QĐ-MĐC, ngày 10 tháng 2 năm 2020	Trường Đại học Mở - Địa chất	11/NQ-HĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021	CTĐT mở mới

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)